TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 56/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 19 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn X, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản N, xã N1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lèo Thị B, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản Bản N, xã N1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Văn X và chị Lèo Thị B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Anh Hà Văn X và chị Lèo Thị B nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh X và chị B có 02 con chung là cháu Hà Minh P, sinh ngày 24/01/2010, cháu Hà Thị Thu P1, sinh ngày 14/02/2014. Giao cháu P cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu P1

cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh X, chị B không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

d. Về án phí: Anh X chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo B lai thu số AA/2016/0003210 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh X được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã N1;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh